

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Chí Trung;
2. Bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Quang T - sinh năm 1985; nơi ĐKNKTT: Tổ 1, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nơi công tác: TĐ 8, SĐ 395, QK 3 (xã TL, huyện TH, tỉnh Thái Bình).

2. Bị đơn: Chị Đồng Thị H - sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 1, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Quang T trình bày: Anh và chị Đồng Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MK, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam ngày 10/10/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh lại là bộ đội nên thường xuyên xa nhà không có điều kiện quan tâm chăm sóc vợ con, chị H ở nhà thường xảy ra mâu thuẫn với mẹ đẻ anh. Do không giải quyết được mâu thuẫn gia đình nên anh chán nản có vay mượn ăn tiêu, chơi bời để nợ một khoản tiền nên cuộc sống vợ chồng càng căng thẳng hơn. Mặt khác, chị H luôn coi

thường anh, không tôn trọng và thông cảm với công việc của anh, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đồng Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Lê Anh S, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 29/3/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn, anh cũng muốn trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, nhưng do anh là bộ đội thường xuyên đi công tác xa nhà nên không có điều kiện chăm sóc con chung, anh đề nghị giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000đ/tháng/hai cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản tự khai và tại phiên tòa, chị Đồng Thị H trình bày: Về thời điểm kết hôn, thủ tục kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng, chị nhất trí với phần trình bày của anh T. Trước khi kết hôn chị và anh T quen nhau và có thời gian tìm hiểu khoảng bốn năm mới đi đến kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời nợ nần và có quan hệ trai gái. Mặt khác anh T đi công tác xa nhà, mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, anh T lại nghe mẹ nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng chưa lần nào ngồi nói chuyện được với nhau để giải quyết mâu thuẫn gia đình. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng chị không muốn ly hôn vì muốn con cái có bố có mẹ.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung như anh T đã trình bày ở trên. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị muốn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng chị không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa ngày 08/11/2018 chị H đều vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Quang T. Xử lý hôn giữa anh Lê Quang T với chị Đồng Thị H.

2/ Về con chung: Giao chị Đồng Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung của vợ chồng là cháu Lê Anh S, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 29/3/2017. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Quang T về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/02 cháu/01 tháng kể từ tháng 11/2018 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Con nuôi, con riêng, tài sản chung và công nợ chung: Anh T và chị H cùng thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Lê Quang T có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân:

Anh Lê Quang T và chị Đồng Thị H kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường MK, thành phố Phủ Lý cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T là bộ đội thường xuyên xa nhà đã không đỡ đần công việc gia đình, phụ giúp chị H trông nom con cái và vợ chồng động viên nhau những lúc khó khăn thì anh T lại chơi bời dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình đã khó khăn lại càng khó khăn hơn. Mặt khác, chị H và mẹ đẻ anh T có mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống thường ngày cũng phần nào ảnh hưởng đến cuộc hôn nhân của vợ chồng. Để hàn gắn tình cảm, cả anh T và chị H đều không đưa ra được giải pháp

để khắc phục mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn nghi ngờ nhau có quan hệ không lành mạnh, đánh mất niềm tin vào nhau. Tại phiên tòa, anh T và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn, chị H không muốn ly hôn không phải vì tình cảm mà đưa ra lý do vì con cái. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn cho anh T và chị H là cần thiết. Do vậy cần xử lý hôn giữa anh T và chị H là phù hợp với thực tế và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh T và chị H có hai con chung là cháu Lê Anh S, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 29/3/2017. Từ nhỏ các cháu đã ở cùng chị H và được sự quan tâm chăm sóc của chị H, vì đặc thù công việc của anh T là bộ đội thường xuyên phải xa nhà nên việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sẽ gặp nhiều khó khăn. Do vậy cần giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với tình hình thực tế và cũng là nguyện vọng của anh T và chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh T không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nhưng đã tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai cháu là 4.000.000 đồng/01 tháng (2.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các cháu. Xét thấy sự tự nguyện của anh T là hoàn toàn phù hợp với thực tế và pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của anh T.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh T và chị H không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Quang T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51; Điều 54; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử lý hôn giữa anh Lê Quang T với chị Đồng Thị H.

2. Về con chung:

Giao cho chị Đồng Thị H có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lê Anh S, sinh ngày 11/01/2014 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 29/3/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Quang T về việc anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng kể từ tháng 11/2018 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh Lê Quang T phải nộp 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh Lê Quang T phải nộp 300.000 đồng. Anh T được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý theo biên lai số AA/2015/0001846 ngày 13/7/2018. Anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Anh T và chị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường MK, TP Phủ Lý;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên